

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HSST
Ngày 02 tháng 10 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Ba và ông Đỗ Hồng Phúc.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân là Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Ông Phan Anh Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2018/HSST ngày 23 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 49/2018/QĐXXST - HS ngày 31 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Phùng Văn S, sinh Ngày 09/03/1979; sinh trú quán: Thôn ĐL, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 08/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Đăng N và bà Nguyễn Thị Q; có vợ là Nguyễn Thị L và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 28/05/2018 đến ngày 16/7/2018 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn là: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Hiện nay, bị cáo đang tại ngoại, (có mặt).

* Người bị hại: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1970; sinh trú quán: Thôn ĐL, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; sinh trú quán: Thôn ĐL, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

* Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1970; sinh trú quán: Thôn ĐL, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Bà Lưu Thị NH (tên gọi khác là C), sinh năm 1972; sinh trú quán: Thôn ĐL, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phùng Văn S làm nghề thu mua phế liệu tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Đầu tháng 4 năm 2016, Phùng Văn S biết anh Lò Văn N ở bản M, xã C, huyện MS, tỉnh Sơn La có một chiếc máy xúc nhãn hiệu KOMATSU - PC120 màu sơn vàng đã cũ muốn bán. S đã điện thoại giới thiệu cho ông Nguyễn Văn V là người ở cùng thôn với S nhưng đang tạm trú tại thị trấn PY, huyện P, tỉnh Sơn La biết để ông V mua máy xúc của anh N. Ngày 10/4/2016, ông V đã nhờ S đưa ông V đến nhà anh N để xem hàng nếu được thì ông V sẽ mua chiếc máy xúc trên luôn. Sau khi xem máy xong, ông V và anh N đã thỏa thuận được với nhau về việc mua chiếc máy xúc nhãn hiệu KOMATSU - PC 120 màu sơn vàng đã cũ của anh N với giá 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn). Sau khi thỏa thuận xong giá cả, ông V và anh N tiến hành giao tiền và giao máy xúc cho nhau đồng thời lập giấy tờ mua bán và được Ủy ban nhân dân xã C chứng thực vào giấy tờ mua bán đó. Sau khi mua được chiếc máy xúc, ông V đã thuê ông Nguyễn Văn B là người ở cùng thôn với ông V lên Sơn La chở chiếc máy xúc mà ông V vừa mua được của anh N về xã Đ, huyện Y với giá tiền thuê vận chuyển là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Khi ông B chở máy xúc của ông V về đến xã Đ thì ông V hỏi S cho ông V gửi nhờ chiếc máy xúc của ông ở bãi để vật liệu, phế liệu của gia đình S, khi nào có khách đến hỏi mua thì S thông báo cho ông V biết để ông V bán. S đồng ý nên ông V đã bảo ông B chở chiếc máy xúc trên đem đến bãi để vật liệu, phế liệu của gia đình S gửi nhờ. Đến đầu tháng 6/2016, được sự đồng ý của bà Lưu Thị NH (tên gọi khác là C), S đã tự ý đem chiếc máy xúc của ông V gửi nhờ nhà S đến bãi để vật liệu, phế liệu của gia đình bà NH để gửi nhờ. Do muốn có tiền để chi tiêu cá nhân nên S đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc máy xúc KOMATSU - PC 120 màu sơn vàng của ông V. Khoảng giữa tháng 6 năm 2016, S đến gặp bà NH để gạ bán cho bà NH chiếc máy xúc của ông V mà S đang gửi tại nhà bà NH nhưng bà NH không mua. Đến khoảng cuối tháng 6 năm 2016, có hai người đàn ông không quen biết đến bãi để vật liệu, phế liệu của gia đình bà NH và hỏi mua chiếc máy xúc của S đang gửi nên bà NH đã gọi điện thoại bảo S đến bán. Khi S đến gặp hai người đàn ông trên, S không điện thoại hay thông báo gì cho ông V biết theo lời dặn của ông V

mà tự ý thỏa thuận và bán chiếc máy xúc của ông V cho hai người khách hàng trên với giá 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng). S đã nhận đủ số tiền trên đồng thời giao chiếc máy xúc của ông V cho hai người đàn ông đến mua, hai bên không làm giấy tờ mua bán gì với nhau. Số tiền bán máy xúc, S không giao lại cho ông V mà tự ý chi tiêu vào các việc cá nhân của mình. Đến khoảng tháng 7 năm 2016, ông V cùng vợ là bà Trần Thị Q từ tỉnh Sơn La về xã Đ đến bãi để vật liệu, phế liệu của gia đình S để kiểm tra máy xúc đã gửi nhờ ở đó nhưng vợ chồng ông V không thấy máy xúc của mình ở đâu nên bà Q có hỏi S về chiếc máy xúc mà ông V đã gửi từ trước thì S nói với bà Q là máy xúc S đang để nhờ ở bãi để vật liệu, phế liệu của gia đình bà NH. Do vẫn tin tưởng S nên vợ chồng ông V không hỏi thêm gì nữa rồi sau đó, vợ chồng ông V tiếp tục lên tỉnh Sơn La để làm ăn. Đến ngày 15/8/2016, bà Q có dịp về quê nên bà Q đến nhà S để kiểm tra chiếc máy xúc của ông V đã gửi S từ trước, mặc dù S đã bán chiếc máy xúc của ông V rồi nhưng S vẫn nói với bà Q là máy xúc đang để ở bãi phế liệu nhà bà NH. Bà Q đi đến bãi để vật liệu, phế liệu của gia đình bà NH kiểm tra thì bà Q được bà NH thông báo cho biết. Trước đây S có đến gửi bà 01 chiếc máy xúc nhưng chiếc máy xúc mà S gửi ở nhà bà, S đã bán cho hai người khách không quen biết từ lâu rồi. Buổi tối cùng ngày, bà Q đến nhà S để hỏi rõ về chiếc máy xúc mà ông V đã gửi ở bãi phế liệu của gia đình nhà S. Biết bà Q đã phát hiện ra việc S bán chiếc máy xúc của ông V nên khi bà Q đến nhà, S nói dối bà Q là bà ở đây để cháu đi lấy chìa khóa rồi S lấy xe máy bỏ đi và không quay về nhà để gặp bà Q nữa. Vợ chồng bà Q nhiều lần gọi điện thoại cho S nhưng S đều tắt điện thoại hoặc không nghe máy hoặc lẩn tránh không gặp lại vợ chồng bà Q. Đến tháng 11 năm 2016, ông V tiếp tục gọi điện thoại tìm gặp S để yêu cầu S trả tiền bán máy xúc cho ông V nhưng S vẫn không trả nên ông V đã làm đơn tố cáo S đến Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Lạc đề nghị giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định. Hành vi phạm tội của Phùng Văn S có dấu hiệu cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nên nhiều lần, Cơ quan điều tra triệu tập S đến làm việc. Ban đầu, S không tự giác đến làm việc mà vắng mặt không có lý do.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Yên Lạc đã truy tìm vật chứng là chiếc máy xúc KOMATSU PC 120 sơn màu vàng của ông Nguyễn Văn V trên phạm vi toàn quốc để phục vụ điều tra nhưng không thu được vật chứng. Do không thu được vật chứng nên Cơ quan điều tra phải dựa vào hồ sơ, tài liệu đã điều tra thu thập được để tiến hành định giá tài sản.

Tại kết luận định giá tài sản số: 18/2018/KLĐT ngày 23/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Lạc đã kết luận: Chiếc máy xúc nhãn hiệu KOMATSU PC120 màu sơn vàng đã cũ của ông V có giá trị là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng). Sau khi Cơ quan điều tra thông báo kết quả định giá tài sản, ông V và S không ai có ý kiến gì về kết quả định giá trên.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 19/5/2018, Phùng Văn S đã tự nguyện bồi thường cho ông Nguyễn Văn V 40.000.000 đồng tiền mặt và một chiếc xe máy nhãn hiệu Dream đã cũ theo giá thỏa thuận giữa hai bên là 10.000.000 đồng. Tổng cộng S đã bồi thường cho ông V được 50.000.000 đồng. Đến ngày 11/6/2018, chị Nguyễn Thị L là vợ của S đã tự nguyện bồi thường cho ông Nguyễn Văn V số tiền 130.000.000 đồng. Tổng cộng vợ chồng S đã tự nguyện bồi thường cho ông V số tiền 180.000.000 đồng. Ông V đã nhận đủ số tiền bồi thường trên và không có yêu cầu bồi thường gì khác về mặt dân sự đồng thời ông V có đơn xin rút đơn tố cáo và xin miễn trách nhiệm hình sự cho Phùng Văn S.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Phùng Văn S đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như các lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã khai tại Cơ quan điều tra.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phùng Văn S cũng đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như các lời khai của bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã khai tại Cơ quan điều tra.

Tại Bản cáo trạng số: 43/CT - VKS ngày 19/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Phùng Văn S về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc thực hành quyền công tố, tại phiên tòa đã phân tích lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở để xác định bị cáo Phùng Văn S đã phạm vào tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phùng Văn S từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian tạm giam từ ngày 28/5/2018 đến ngày

16/7/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, xác nhận sự tự nguyện của Phùng Văn S bồi thường cho ông Nguyễn Văn V số tiền 180.000.000 đồng giá trị thiệt hại của chiếc máy xúc nhãn hiệu KOMATSU PC120 màu sơn vàng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo S;

Về án phí: Phùng Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo và người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến bổ sung gì khác và cũng không ai có ý kiến gì tham gia tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phùng Văn S đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố và không có lời tự bào chữa nào khác. Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận:

Do có quan hệ quen biết với nhau từ trước nên khoảng cuối tháng 6 năm 2016, lợi dụng sự tin nhiệm của ông Nguyễn Văn V là người ở cùng thôn, Phùng Văn S đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản là chiếc máy xúc nhãn hiệu KOMATSU - PC 120 sơn màu vàng của ông V trị giá 180.000.00 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng).

Với hành vi nêu trên của bị cáo đã có đủ cơ sở để khẳng định: Bị cáo Phùng Văn S đã phạm vào tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tại điểm d khoản 2 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:*

a).....

d) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng; ... ”

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là gây nguy hiểm cho xã hội; làm mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương; trực tiếp xâm phạm đến tài sản và quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy cần thiết phải xử phạt bị cáo thật nghiêm minh trước pháp luật như vậy mới có tác dụng riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm, hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy rằng: Mặc dù bị cáo S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự, nhưng bị cáo đã lợi dụng lòng tin và sự tín nhiệm của người bị hại để chiếm đoạt tài sản của họ. Chứng tỏ, bị cáo là người coi thường pháp luật. Trước khi phạm tội, bị cáo là người có nhân thân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường đầy đủ thiệt hại cho người bị hại; người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, bố bị cáo là ông Phùng Đăng N là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Do bị cáo S được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo là người có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo đang cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ giúp bị cáo cải tạo thành Người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phùng Văn S đã tự nguyện bồi thường cho ông Nguyễn Văn V số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng). Tại phiên tòa, ông V xác nhận, ông đã nhận đủ số tiền bồi thường trên và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009), bị cáo có thể còn bị phạt

tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản....., .Xét thấy, hậu quả xảy ra là nghiêm trọng, bản thân bị cáo là người lao động tự do nên thu nhập thấp và không ổn định. Hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[2]. Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Lạc; của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc và của Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đầy đủ đúng theo trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người tham gia tố tụng khác đã chấp hành Nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều hợp pháp đúng với quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Phùng Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phùng Văn S phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); các điểm b, s khoản 1 khoản 2 điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Phùng Văn S 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phùng Văn S cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 01 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Phùng Văn S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- UBND xã Đ;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS vụ án; bộ phận theo dõi THAHS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Hạnh